

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ	1
QUY CHẾ ĐẠI HỘI	2
Phần 1: BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2015 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016	5
Phần 2: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Phần 3: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	20
Phần 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015	24
Phần 5: PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	49
Phần 6: BÁO CÁO THÙ LAO, CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT	51
Phần 7: TỜ TRÌNH PHÊ CHUẨN QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT	52

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ
Ngày 22 tháng 4 năm 2016**

Thời gian	Nội dung chương trình
13:00 – 14:00	- Cổ đông đăng ký tham dự và nhận tài liệu.
14h00-14h30	- Khai mạc đại hội, Giới thiệu khách mời - Đọc báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông - Giới thiệu chủ tịch đoàn, Ban thư ký - Bầu ban kiểm phiếu - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội - Thông qua chương trình Đại hội
14:30 – 15:00	- Báo cáo của Giám đốc, - Báo cáo của Hội đồng quản trị, - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
15:00 – 15:15	- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015. - Phân phối lợi nhuận. - Báo cáo thù lao và lợi ích của HĐQT và BKS
15:15 – 15:20	- Trình phê chuẩn Quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT.
15h20-15h30	- Hướng dẫn biểu quyết - Cổ đông tiến hành biểu quyết - Thu phiếu biểu quyết
15:30 – 16:00	- Cổ đông giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc
16:00 – 16:15	- Đại hội thảo luận
16:15 – 16:30	- Phát biểu của đại biểu khách mời
16:30 – 16:45	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu
16:45 – 17:00	- Thông qua Nghị quyết đại hội. - Bế mạc Đại hội

QUY CHẾ ĐẠI HỘI

Nội quy cuộc họp, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên 2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.

I. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội cổ đông.

II. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- Tất cả các cổ đông đến tham dự đại hội ăn mặc chỉnh tề, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
- Không hút thuốc lá trong phòng đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại di động trong lúc diễn ra đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

III. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành.

- Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.
- Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu: ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.
- Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.
- Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc. Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày.

(Lưu ý: Cổ đông có ý kiến phát biểu tại cuộc họp phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn. Khi Cổ đông phát biểu phải ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua).

IV. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu. Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy

quyền khi vào dự họp được cấp Phiếu biểu quyết có đóng dấu của Công ty (dấu treo) trên phiếu, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết.

2. Cách thức biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hoặc ý kiến khác) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

3. Thời điểm biểu quyết:

Ngay sau khi kết thúc phần thảo luận, các cổ đông chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

4. Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm các thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN

- Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
- Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

- Hướng dẫn biểu quyết
- Phát và thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu về các vấn đề thông qua tại đại hội.
- Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần bao bì Đạm Phú Mỹ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến

Phần 1

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015

1.1. Các chỉ tiêu SXKD năm 2015:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH năm 2014	KH năm 2015	TH 2015	% TH /KH 2015	% TH 2015/ TH 2014
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=3/2)	(5=3/1)
1	Sản lượng sản xuất						
A	Bao truyền thống	Tr.bao	49,68	55,00	55,59	101%	112%
-	Bao phân bón Urê Phú Mỹ	„	17,13	16,00	16,45	103%	96%
-	Bao phân bón của TCty	„	2,51	4,00	4,47	112%	178%
-	Các loại bao PBNS khác	„	12,18	17,00	18,57	109%	152%
-	Bao Xi măng thành phẩm	„	13,48	15,00	5,97	40%	44%
-	Các loại bao bao XM khác	„	4,38	3,00	10,13	338%	231%
B	Bao khác		20,26	80,00	101,86	127%	503%
-	Bao Jumbo	1000 bao	20,26	80,00	101,86	127%	503%
2	Sản lượng tiêu thụ						
A	Bao truyền thống	Tr.bao	49,50	55,00	55,19	100%	111%
-	Bao phân bón Urê Phú Mỹ	„	17,14	16,00	16,13	101%	94%
-	Bao phân bón của TCty	„	2,60	4,00	4,45	111%	171%
-	Các loại bao PBNS khác	„	11,56	17,00	18,88	111%	163%
-	Bao Xi măng thành phẩm	“	13,70	15,00	6,17	41%	45%
-	Các loại bao bao XM khác	„	4,50	3,00	9,57	319%	213%
B	Bao khác		20,02	80,00	97,72	122%	488%
-	Bao Jumbo	1000 bao	20,02	80,00	97,72	122%	488%
3	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	229,21	245,58	295,97	121%	129%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH năm 2014	KH năm 2015	TH 2015	% TH /KH 2015	% TH 2015/ TH 2014
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=3/2)	(5=3/1)
4	Tổng chi phí	Tỷ.đ	217,47	232,91	283,30	122%	130%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	11,74	12,67	12,66	100%	108%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	10,18	11,05	11,11	101%	109%
7	Tỷ suất LNST/VĐL	%	24	26	26	100%	100%
8	Tỷ suất LNST/VCSH	%	18	19	19	100%	100%
9	Tỷ suất chia cổ tức	%	17	18	18	100%	100%
10	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách NN	Tỷ.đ	13,75	14,85	14,83	100%	108%
11	Lao động và thu nhập						
-	Lao động cuối kỳ	Người	364	415	445	107%	122%
-	Lao động BQ	Người	360	400	400	100%	111%
-	Quỹ lương	Tỷ đồng	28,8	34,06	33,37	98%	116%
-	Thu nhập bình quân	Tr. đ/ng/th	6,9	7,33	7,26	99%	105%
12	Đào tạo						
-	Lượt đào tạo	Lượt	373	320	350	109%	94%
-	Kinh phí đào tạo	Tỷ.đ	0,35	0,44	0,44	100%	126%
13	Đầu tư XDCB và Mua sắm	Tỷ.đ	6,88	36,92	6,26	17%	91%
14	Tiết kiệm chống lãng phí	Tỷ.đ	1,28	0,77	0,77	100%	60%

1.2. Công tác sản xuất – kinh doanh:

- Trong năm 2015, giá nguyên vật liệu đầu vào biến động liên tục, không ổn định dẫn đến khó khăn trong công tác dự báo giá nguyên vật liệu cũng như báo giá sản phẩm cho khách hàng.
- Ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh không chỉ lớn, mạnh về khả năng cung cấp mà còn cạnh tranh về giá thành sản phẩm dẫn đến công tác thị trường đòi hỏi phải mở rộng, chuyên sâu đối với những khách hàng mới và chăm sóc khách hàng truyền thống tốt hơn.
- Nhu cầu thị trường bao bì trên thế giới đang chuyển dần từ Trung Quốc sang các nước có lợi thế về chi phí gia công như Việt Nam. Do đó đây cũng là một trong những thuận lợi để Công ty mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Công ty đã có sẵn hệ thống khách hàng truyền thống lớn và nhu cầu ổn định: Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Chi nhánh Tổng Công ty PVFCCo, Công ty TNHH Công nghiệp Bao CP Việt Nam, Công ty TNHH CJSC, Công ty XM Nghi Sơn, ...
- Cũng trong năm 2015, các khách hàng xi măng đã chuyển đổi hoàn toàn sử dụng bao truyền thống (PK, KPK) sang bao PP dán đáy. Với công nghệ hiện tại của Công ty chưa phù hợp với sự chuyển đổi này nên dẫn đến sản lượng bao xi măng thành phẩm chỉ đạt 41% kế hoạch năm. Nhưng với sự nhạy bén và nắm bắt được xu thế này, Công ty đã chủ động đẩy mạnh các dòng sản phẩm khác để bù đắp cho sự thiếu hụt này nên vẫn đảm bảo tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 100% kế hoạch đã đề ra.

1.3. Công tác quản lý chi phí:

- Công nợ phải thu: bằng các giải pháp kiên trì và quyết liệt như ký thỏa thuận hợp tác thanh toán nợ quá hạn, tăng cường gặp gỡ lãnh đạo giữa 02 bên để có sự cam kết và thống nhất kế hoạch trả nợ... Công ty đã thu hồi được phần lớn tổng số công nợ quá hạn để bảo toàn phát triển vốn.
- Đã thực hiện tốt việc phân tích, đánh giá các chi phí trong cơ cấu giá thành nhằm nhận diện thật chính xác các chi phí để có các giải pháp kiểm soát và giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đã xây dựng và ban hành lại một số quy định, quy trình như quy trình mua sắm, quy trình xuất nhập kho, hàng tồn kho tối thiểu... nhằm kiểm soát tốt chi phí và tài sản của Công ty.

1.4. Công tác tổ chức – nhân sự – đào tạo và các chính sách đối với người lao động:

- Tuyển dụng, đào tạo công nhân để tiếp nhận thêm 01 máy in cuộn và 20 máy may, 02 máy cắt túi siêu thị. Bên cạnh đó tuyển dụng bổ sung thay thế kịp thời những lao động nghỉ việc nhằm đáp ứng sản xuất.
- Điều chỉnh định mức lao động, đơn giá tiền lương chi tiết đến từng loại sản phẩm tại mỗi công đoạn sản xuất tạo sự chính xác và công bằng trong công tác trả lương.
- Thành lập tổ công nghệ để chuyên sâu hơn về các sản phẩm mới cũng như kiểm soát chặt chẽ hơn về mặt kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.
- Chuyển bộ phận trưởng ca từ phòng Kỹ thuật về các phân xưởng sản xuất, làm việc dưới sự quản lý và phân công nhiệm vụ của các quản đốc xưởng, giới hạn công việc trong phạm vi một xưởng nên có điều kiện sát sao hơn, nâng cao hiệu quả trong việc quản lý sản xuất.
- Điều động, luân chuyển cán bộ quản lý giữa các bộ phận thuộc khối sản xuất để thích ứng với điều kiện sản xuất kinh doanh từng thời điểm.

2. Các vấn đề còn tồn tại:

- Bên cạnh kết quả đạt được, trong năm 2015 còn nhiều tồn tại cần khắc phục nổi bật nhất là tình hình biến động lao động tại Phân xưởng Tạo sợi và Dệt (tỷ lệ biến động nhân sự của bộ phận này là 30%); lao động khối kỹ thuật còn thiếu người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nhằm đáp ứng cho sản xuất, đặc biệt là trong việc triển khai sản xuất các sản phẩm mới.
- Nợ vẫn tiếp diễn, tạo sức ép thu hồi công nợ.
- Sau 12 năm hoạt động, máy móc đã thể hiện nhiều hư hỏng khó sửa chữa, cải tạo dẫn đến năng suất giảm.
- Nhu cầu thị trường đang hướng đến các dòng sản phẩm cao cấp, quy cách khác biệt so với công nghệ hiện tại của Công ty.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

1. Thuận lợi và khó khăn

1.1. Thuận lợi:

- Công ty đã tìm được một số phương án tối ưu để đáp ứng được công nghệ sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Các Công ty nước ngoài đang có xu hướng chuyển dịch thu mua sang các Công ty Việt Nam do được ưu đãi hơn về thuế và sản phẩm của Việt Nam cũng đang dần có thương hiệu trên bàn cờ thế giới.
- Việc Việt Nam gia nhập TPP mở ra những thuận lợi nhất định để hợp tác với các nước thành viên, đặc biệt là Nhật Bản và Mỹ – thị trường mục tiêu của Công ty.

1.2. Khó khăn:

- Các khách hàng của Công ty chưa có sự hợp tác liên tục, sản phẩm nhiều quy cách trong một đơn hàng dẫn đến năng suất lao động thấp, chưa đảm bảo được thu nhập của Công nhân.
- Ngoài cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài, sự cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp Việt Nam cũng đáng kể, đặc biệt là giá cả chưa thật sự đáp ứng được việc cạnh tranh.
- Máy móc thiết bị ngày càng cũ dẫn đến thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng và thay thế nên năng suất và chất lượng sản phẩm không cao.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch:

- Mục tiêu năm 2016 của Công ty tiêu thụ được 50 triệu bao (dòng bao truyền thống: bao nông sản, bao xi măng và túi xách siêu thị) và 175 ngàn bao jumbo các loại.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu, ưu tiên đưa sản phẩm của Công ty ra thị trường nước ngoài. Dòng bao jumbo và BOPP (bao đựng thức ăn và túi xách siêu thị) được ưu tiên nghiên cứu sản phẩm và tìm hiểu thị hiếu của khách hàng.

- Tìm kiếm những khách hàng có tính liên tục, số lượng quy cách sản phẩm ít để tăng năng suất sản xuất và giảm thiểu việc thay đổi sản phẩm nhiều lần.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2015	KH 2016	% KH 2016/TH 2015	Ghi chú
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3=2/1)	
1	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ					
A	Bao truyền thống	Triệu bao	55,19	50,00	91%	
-	Bao phân bón Urê Phú Mỹ	„	16,13	16,40	102%	
-	Bao phân bón của TCty	„	4,45	3,00	67%	
-	Các loại bao PBNS khác	„	18,88	21,80	115%	
+	<i>Bao PBNS trong nước</i>	„	-	7,49	-	
+	<i>Bao PBNS xuất khẩu</i>	„	-	8,51	-	
+	<i>Túi xách siêu thị</i>	„		5,80		
-	Bao Xi măng thành phẩm	„	6,17	4,20	68%	
-	Các loại bao bao XM khác	„	9,57	4,60	48%	
B	Bao khác		97,72	175,00	179%	
-	Bao Jumbo	1000 bao	97,72	175,00	179%	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	295,97	262,69	89%	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	283,30	249,71	88%	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,66	12,98	103%	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,11	10,34	93%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	26	24,6	95%	
7	Tỷ suất LNST/VCSH	%	19	16,4	86%	
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	18	17	94%	
9	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách NN	Tỷ đồng	14,83	17,19	116%	
10	Lao động và thu nhập					
-	Lao động cuối kỳ	Người	445	550	124%	
-	Lao động BQ	Người	400	500	125%	
-	Quỹ lương	Tỷ đồng	33,37	43,50	130%	
-	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Tr. đồng	7,26	7,5	103%	

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2015	KH 2016	% KH 2016/TH 2015	Ghi chú
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3=2/1)	
11	Đào tạo					
-	Lượt đào tạo	Lượt	350	351	100%	
-	Kinh phí đào tạo	Tỷ đồng	0,44	0,45	102%	
12	Đầu tư XDCB và Mua sắm	Tỷ đồng	6,26	51,05	815%	

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Công tác tiếp thị và bán hàng:

- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng sau bán hàng để duy trì các mối quan hệ sẵn có để nhận được các đơn hàng số lượng lớn, năng suất cao.
- Tập trung tìm kiếm khách hàng cho 2 dòng sản phẩm mới là Jumbo và túi xách: tham gia hội chợ bao bì, giới thiệu hình ảnh Công ty qua các trang mạng như Alibaba.
- Đẩy mạnh và tăng cường cung cấp ra thị trường loại bao tráng ghép màng BOPP, tăng cường mở rộng thị trường khách hàng tiềm năng dòng bao này.
- Thị trường bao jumbo được đánh giá là tiềm năng lớn cả thị trường trong nước và xuất khẩu, Công ty tiếp tục nâng cao hơn nữa sản lượng, tay nghề sản xuất để tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.
- Đào tạo đội ngũ bán hàng, nâng cao trình độ nghiệp vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn cho sự phát triển Công ty.
- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, duy trì ổn định các khách hàng truyền thống để gia tăng sản lượng của các khách hàng này.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, tìm hiểu đối thủ cạnh tranh trong ngành sản xuất bao bì để tìm kiếm thêm các dòng sản phẩm mới.

4.2. Công tác kỹ thuật công nghệ và sản xuất :

- Nâng cao nhận thức công tác duy tu, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, tăng tuổi thọ độ tin cậy máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng hoạt động, hạn chế mức thấp nhất sự gián đoạn trong quá trình sản xuất làm giảm năng suất và giảm chất lượng sản phẩm.
- Tập huấn các hoạt động kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm đến từng người lao động. Tôn trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm đến khách hàng.
- Đẩy nhanh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: xây dựng thư viện tài liệu thiết kế sản phẩm, công thức, bộ tiêu chuẩn sản phẩm, các giải pháp công nghệ sản xuất tối ưu giảm giá thành, gia tăng giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường trong và ngoài nước.

4.3. Công tác quản lý vốn và chi phí :

- Chấp hành nghiêm chỉnh việc lập và thực hiện báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy chế công bố thông tin nhằm tạo sự minh bạch đối với các cổ đông.
- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh, đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị.
- Tạo mối quan hệ tốt với các đối tác chiến lược, các ngân hàng,... để nhận được các nguồn hỗ trợ vốn đảm bảo phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư và mua sắm.
- Làm tốt công tác quản lý công nợ, thu hồi công nợ, quản lý chặt chẽ và hiệu quả dòng tiền hoạt động của Công ty.

4.4. Công tác tổ chức – hành chính:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các bộ phận từ đó hoàn thiện bộ máy quản lý của Công ty.
- Chú trọng đến công tác tuyển dụng những cán bộ giỏi trong các lĩnh vực phù hợp về phục vụ cho công ty.
- Linh hoạt trong công tác trả lương, thưởng nhằm thu hút cũng như giữ chân những CBCNV giỏi, có kinh nghiệm và năng lực.
- Chủ động tạo nguồn lao động để tuyển dụng và đào tạo công nhân đáp ứng nhu cầu của sản xuất đồng thời dự phòng lao động tránh tình trạng biến động gây thiếu hụt lao động cho sản xuất
- Đảm bảo các chính sách đối với người lao động, hoạt động công đoàn và đoàn thanh niên thực sự có hiệu quả và tạo được nơi sinh hoạt vui chơi bổ ích cho CBCNV.

GIÁM ĐỐC

Trần Anh Tú

Phần 2

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. VỀ CƠ CẤU VỐN GÓP VÀ NHÂN SỰ THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm 2015 có sự thay đổi lớn về cơ cấu vốn góp trong Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ. Với việc đại chúng hóa và niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán, Công ty đã có sự tham gia góp vốn của hơn 100 cổ đông, nhà đầu tư. Cơ cấu vốn góp của các cổ đông trong năm 2015 như sau:

TÊN CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ VỐN GÓP ĐẾN 16/04/2015	TỶ LỆ VỐN GÓP TỪ 16/04/2015
Tổng công ty phân bón và Hoá chất Dầu khí	51,98% VĐL	43,34% VĐL
Công ty TNHH Hương Phong	49% VĐL	40% VĐL
Cổ đông nhỏ khác	0,02% VĐL	16,66% VĐL

- Nhân sự thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT): Trong năm 2015, nhân sự thành viên Hội đồng quản trị không thay đổi, tuy nhiên, đến tháng 2 vừa qua đã có sự thay đổi nhân sự thành viên HĐQT. Do giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phần, cổ đông Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) đã điều chỉnh giảm số người đại diện quản lý vốn của PVFCCo tại Công ty, còn 2 đại diện, tương ứng là việc cử rút bớt 1 thành viên tham gia HĐQT. Để bổ sung vị trí thành viên HĐQT bị khuyết, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm bà Trần Thị Hồng Quyên đảm nhận chức danh thành viên HĐQT. Quyết định bổ nhiệm sẽ được xin ý kiến phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ở phần sau. Như vậy, thời điểm hiện tại, nhân sự HĐQT như sau: Ông Phạm Văn Hiến – Chủ tịch HĐQT, Ông Trần Anh Tú – thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty, ông Lê Hồng Quân, bà Hồ Thị Minh Hòa và Bà Trần Thị Hồng Quyên là thành viên HĐQT. Trong đó chỉ có một thành viên Trần Anh Tú là thành viên điều hành, các thành viên còn lại là thành viên kiêm nhiệm.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới, trong nước còn khó khăn và diễn biến phức tạp, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt, xu hướng tiêu dùng bao bì có nhiều thay đổi và diễn biến nhanh so với thời điểm lập kế hoạch nên ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư của Công ty.

Song với sự đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, sự đồng hành chia sẻ của Quý cổ đông và các quyết định linh hoạt, phù hợp với xu hướng thị trường của Ban lãnh đạo, Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm. Hội đồng quản trị đánh giá rất cao nỗ lực của Ban Điều hành khi không phải thực hiện điều chỉnh giảm kế hoạch trong tình hình rất khó khăn của năm vừa qua. Hội đồng quản trị xin báo cáo những điểm nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

- *Khách hàng bao bì xi măng giảm sản lượng đặt hàng nhưng Công ty vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm.* Tại báo cáo của Giám đốc đã chỉ rõ phần sụt giảm một nửa sản lượng đặt hàng do từ giữa năm vừa qua trở lại đây khách hàng chuyển sang dùng bao dán đáy, loại bao không sử dụng công nghệ hiện tại của Công ty. Đây là dòng bao truyền thống chiếm khoảng 30% tổng sản lượng hàng năm của Công ty từ trước đến nay. Với việc thiếu hụt sản lượng từ dòng sản phẩm truyền thống là bao xi măng, Ban Điều hành quyết tâm đẩy mạnh công tác thị trường để nhận các đơn hàng khác bù vào phần sản lượng thiếu hụt. Kết quả là Công ty đã hoàn thành kế hoạch đặt ra. Đây là nỗ lực rất lớn của Ban điều hành được Hội đồng quản trị ghi nhận và biểu dương. Tính đến thời điểm hiện tại, các thiết bị dòng bao xi măng đã hết khấu hao, tuy nhiên các máy này còn có khả năng khai thác, như hệ thống máy dệt lớn vẫn đang được vận hành để dệt các loại manh làm túi xách siêu thị, manh làm bao Jumbo phù hợp. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành vẫn tiếp tục tìm kiếm các mặt hàng để tận dụng khai thác tối đa các thiết bị này trong khi chưa đầu tư mới các thiết bị thay thế.
- *Thay đổi kế hoạch đầu tư* hệ thống máy dệt nhỏ chuyển sang đầu tư hệ thống dây chuyền bao Jumbo, làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, thiếu hụt khâu dệt khoảng 5 triệu bao quy đổi. Tuy nhiên, Công ty đã linh hoạt thực hiện gia công ngoài công đoạn bị thiếu năng lực để đáp ứng kế hoạch sản xuất thành phẩm xuất bán với mục đích vừa giữ khách hàng, vừa hoàn kế hoạch tiêu thụ năm. Về việc thay đổi kế hoạch đầu tư, theo định hướng ban đầu, Công ty sẽ thực hiện đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất tập trung vào 2 dòng sản phẩm chính, *thứ nhất* là nâng công suất dòng bao bì phân bón nông sản, thêm 14 triệu bao và *thứ hai* là đầu tư dây chuyền sản xuất bao jumbo có công suất 90 ngàn bao. Tuy nhiên song song với việc triển khai đầu tư, công tác phát triển khách hàng và mở rộng thị trường vẫn được đẩy mạnh. Trong quá trình tiếp cận với khách hàng trong nước và xuất khẩu đã đưa đến lựa chọn thay đổi định hướng đầu tư, từ đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bao bì phân bón nông sản và Jumbo sang chỉ đầu tư bổ sung dây chuyền sản bao bì Jumbo. Lý do chính là, mặc dù dòng bao bì truyền thống vẫn ổn định về sản lượng và doanh thu, tuy nhiên, dòng bao Jumbo đang có lợi thế khai thác hơn do xu hướng tiêu dùng bao Jumbo đang tiếp tục gia tăng, trong khi đối thủ đối thủ cạnh tranh trong nước còn ít. Mặt khác, đánh giá được mức độ gia tăng cơ hội tìm kiếm lợi nhuận khi sản xuất bao Jumbo cao hơn so với dòng bao truyền thống, trên cơ sở cân nhắc cùng với một mức đầu tư, chi phí quản lý sản xuất là tương đương, nhưng làm bao bì Jumbo sẽ dễ kiểm soát và quản lý chất lượng hơn, doanh thu cao hơn, giá trị lợi nhuận trên

đầu sản phẩm nhiều hơn, do vậy Hội đồng quản trị đồng ý chuyển dịch đầu tư thiết bị từ sản xuất bao bì truyền thống và Jumbo sang sản xuất hoàn toàn dòng bao Jumbo, bước đầu đầu tư dây chuyền đạt công suất gần 350.000/năm. Kế hoạch đến hết quý 2/2016 sẽ hoàn thành đầu tư và đi vào hoạt động, mức sản lượng năm 2016 dự kiến cung cấp bằng một nửa công suất dây chuyền thiết bị đầu tư, phấn đấu khai thác tối đa công suất dây chuyền kể từ năm 2017 trở đi. Sau khi chiếm lĩnh được thị trường, sẽ tiếp tục đề xuất đầu tư bổ sung tăng khả năng cung cấp, phấn đấu đến năm 2018 sản xuất và tiêu thụ đạt khoảng 1.000.000 bao Jumbo/năm.

- *Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:* Đây là mục tiêu đã được ĐHCĐ đặt ra từ nhiều năm trước và giao cho HĐQT lựa chọn thời điểm thuận lợi để niêm yết. Thực hiện yêu cầu này, tháng 4/2015, công ty hoàn tất thủ tục chuyển đổi trở thành Công ty đại chúng, với sự tham gia góp vốn của 140 cổ đông nhỏ ngoài 2 cổ đông lớn là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và cổ đông Công ty TNHH Hương Phong. Sau đó, đến tháng 9/2015, Ban lãnh đạo Công ty xác định đây là thời điểm phù hợp để niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán và Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu vào ngày 22/09/2015 với mức giá chào sàn là 16.500 đ/cp. Tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 14/3/2016, khối lượng cổ phiếu được giao dịch là 132.200 lượt cổ phiếu, đạt giá trị 2.157.730.000 đồng, tương ứng mức giá trung bình 16.321 đồng. Giá đóng cửa 14/03 là 14.600 đồng. Kể từ ngày niêm yết, Công ty đã tuân thủ các quy định của UBCKNN về việc thực hiện các quy định công bố thông tin, chế độ báo cáo.
- *Phát triển dòng sản phẩm mới bao túi xách siêu thị:* trong năm 2015 Công ty đã tiếp cận được thị trường xuất khẩu dòng bao túi xách siêu thị, đạt 2% trong tổng sản lượng tiêu thụ toàn Công ty. Mặc dù dòng sản phẩm này sử dụng lao động khá lớn và giá trị gia tăng tạo ra trên một đơn vị sản phẩm thấp nhưng mục đích của việc khai thác để duy trì kết nối với khách hàng, mở ra các cơ hội đầu tư khác. Đặc biệt, đối với dòng bao này chi phí đầu tư rất thấp, chỉ đầu tư thêm hệ thống máy may, thực hiện nhanh, trong khi khai thác tốt hệ thống máy dệt tại Công ty. Hiện tại một số sản phẩm dòng bao túi siêu thị Công ty đang phải đặt mua ngoài phần manh BOPP để về tráng ghép với manh vải được tự sản xuất trên dây chuyền máy dệt của Công ty, sau đó tiếp tục thực hiện công đoạn may để cho sản phẩm hoàn thiện. Từ việc mở rộng thị trường dòng sản phẩm này, đồng thời xem xét đến nhu cầu thị trường đối với manh BOPP đang vạch ra hướng nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm mới liên quan đến màng phim. Dự án dây chuyền BOPP đang trong quá trình nghiên cứu đầu tư.
- *Tăng trưởng mạnh dòng bao Jumbo:* Công ty đã bắt đầu thực hiện từ năm 2014, nhưng mới chỉ ở bước đầu tìm hiểu thị trường, thực hiện công đoạn may, nhận những sản phẩm đơn giản và sản lượng trong năm 2014 còn thấp. Trong kế hoạch 2015, mức sản lượng dòng bao này còn ở mức khiêm tốn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển thị trường đã thấy được cơ hội phát triển dòng bao Jumbo. Do đó, mặc dù hệ thống máy móc thiết bị dòng bao Jumbo chưa được đầu tư toàn bộ dây chuyền,

nhưng Ban Điều hành đã linh hoạt đưa ra các chỉ đạo khai thác tối đa năng lực, nhận các sản phẩm có quy cách đa dạng hơn, chấp nhận thương mại các khâu Công ty chưa có thiết bị để duy trì khách hàng và từng bước chiếm lĩnh thị trường. Kết quả là, năm 2015 sản lượng tiêu thụ vượt 20% so kế hoạch đề ra. Trên cơ sở thấy được khả năng khai thác, dòng sản phẩm này được xác định là một trong những sản phẩm chủ lực của Công ty trong thời gian tới.

- *Sản lượng sản phẩm xuất khẩu tiếp tục tăng*: Tính đến hết năm 2015, sản lượng sản phẩm dùng cho xuất khẩu (gồm sản phẩm Công ty trực tiếp xuất khẩu và sản phẩm Công ty cung cấp cho khách hàng để xuất khẩu) chiếm đến 34% trong tổng sản lượng tiêu thụ toàn Công ty, sản lượng này vượt mức 24% của năm 2014, trong đó, giá trị xuất khẩu trực tiếp của năm 2015 đạt 200% so với năm 2014. Năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu sản phẩm xuất khẩu chứng minh được khả năng thích ứng của Công ty trong thời kỳ hội nhập, khẳng định chất lượng đáp ứng thị trường quốc tế, cho thấy Công ty đã có những bước tiến rõ rệt để đi đến những mục tiêu xa hơn, cao hơn là chiếm lĩnh thị phần trên thị trường quốc tế. Các sản phẩm hiện nay Công ty đang xuất khẩu là dòng bao túi xách siêu thị, bao nông sản, vải manh. Năm 2016 Công ty tiếp tục đặt mục tiêu vươn rộng ra thị trường xuất khẩu, ngoài sản phẩm truyền thống đẩy mạnh xuất khẩu túi siêu thị và hướng đến những dòng sản phẩm cao cấp hơn.
- *Điều chuyển nhân sự quản lý, tuyển dụng để chọn lọc nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc*. Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác sàng lọc nhân sự và bố trí phù hợp với năng lực. Mục tiêu hướng tới tạo được đội ngũ chuyên nghiệp để thích ứng với xu hướng hội nhập. Đặc biệt khuyến khích cơ chế khen thưởng cho các vị trí đầu tàu, các vị trí then chốt quyết định đến giá trị thặng dư của doanh nghiệp. Các báo cáo của Ban điều hành về việc đáp ứng tiến độ sản xuất, yêu cầu kỹ thuật và mở rộng thị trường, tăng năng lực sản trong điều kiện giữ nguyên số lượng đội ngũ nhân sự quản lý, khối gián tiếp là những bằng chứng xác thực nhất cho thấy đã có sự sắp xếp hợp lý hơn trong quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty.
- *Nợ quá hạn đã được giải quyết*: Những năm trước, Công ty có 2 khách hàng lớn, thường xuyên để số dư nợ và nợ quá hạn lớn là Tafico và Goodplast, tuy nhiên hết năm vừa qua, các khách hàng này đã thanh toán toàn bộ khoản nợ. Như vậy Công ty vẫn đảm bảo an toàn vốn và chưa phải trích lập rủi ro cho khách hàng nào.
- *Hoạt động nghiên cứu đầu tư*: Hoạt động này được đẩy mạnh nhằm tìm kiếm các cơ hội đầu tư mang lại lợi ích cho Công ty. Trong năm qua, cùng với quá trình phát triển thị trường, công tác nghiên cứu đầu tư đã đưa đến những lựa chọn mới trong chiến lược đầu tư, thay đổi kế hoạch đầu tư mở rộng năng lực sản xuất ở dòng bao nông sản sang dòng bao Jumbo nhằm tìm kiếm lợi nhuận cao hơn; đầu tư dây chuyền máy may phát triển dòng bao túi xách siêu thị nhằm gia tăng lợi nhuận; định hướng đầu tư dây chuyền sản xuất manh BOPP hướng đến sản phẩm cao cấp, sử dụng ít lao động và tạo ra giá trị gia tăng cao.
- *Tồn tại cần khắc phục*: Thực tế Công ty đang phải đối diện với tình trạng nhiều loại sản phẩm, nhiều khách hàng nhỏ do đó ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, lợi nhuận

đóng góp trên mỗi đơn vị sản phẩm chưa đạt được như kỳ vọng. Hiện có khoảng 30% sản lượng là của những khách hàng không ổn định, khách hàng thường xuyên nhưng lại có số lượng đặt hàng nhỏ, nhiều chủng loại mặt hàng, sản phẩm có quy cách khác nhau. Việc này làm giảm tính chủ động trong việc chuẩn bị nguyên vật liệu, đặc biệt ảnh hưởng đến sự ổn định lao động để bố trí công việc. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển thị trường nên chấp nhận những đơn hàng nhỏ để chọn lọc, hướng đến sự ổn định. Kể từ năm 2016, đối với dòng sản phẩm truyền thống, Công ty chú trọng đến việc ổn định được nhu cầu đặt hàng, lấy được các đơn hàng lớn để tạo sự chủ động trong việc bố trí nguồn lực sản xuất, đồng thời gia tăng hiệu quả sản xuất. Một trong những lý do thay đổi mục tiêu đầu tư từ bao truyền thống sang bao Jumbo cũng nhằm tìm cơ hội hợp tác với những khách hàng lớn và ổn định. Đối với việc mở rộng sản xuất, hướng đến dòng sản phẩm cao cấp, dây chuyền thiết bị hiện đại, sử dụng ít lao động để hạn chế những ảnh hưởng do sự biến động lao động. Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất màng BOPP Công ty đang tích cực nghiên cứu nhằm đi theo định hướng nêu trên.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

Trong năm 2015, HĐQT đã tiến hành tổ chức các phiên họp chính thức và cho ý kiến bằng văn bản để thảo luận và ra quyết định đối với các hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt, cho ý kiến của HĐQT. Những nội dung chính được thông qua/chỉ đạo thực hiện như sau:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty;
- Thông qua thủ tục đại chúng hóa Công ty, thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán và thực hiện các yêu cầu có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Ngày 22/9/2015, 4,2 triệu cổ phiếu PMP của CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ đã chính thức niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội.
- Thẩm định và phê duyệt báo cáo khả thi, kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu của Dự án 3 về đầu tư dây chuyền máy dệt nhỏ. Sau khi chuyển hướng đầu tư đã thẩm định lại Dự án, phê duyệt báo cáo khả thi, thông qua kế hoạch đấu thầu đối với Dự án đầu tư dây chuyền bao Jumbo gồm 3 máy dệt và 1 máy tạo sợi với tổng mức đầu tư không thay đổi.
- Rà soát hiệu chỉnh nội dung Điều lệ sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 thông qua; ban hành Quy chế quản trị Công ty;
- Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2015; tuân thủ đầy đủ các nội dung yêu cầu công bố thông tin đối với công ty đại chúng và tổ chức niêm yết; chia cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua.
- Phê duyệt hệ thống thang bảng lương năm 2015 của Công ty.
- Thông qua tỷ lệ hạn mức công nợ phải thu từng Quý.

- Chấp thuận việc Công ty ký kết Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức 70 tỷ với Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, hạn mức 30 tỷ với Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội.
- Thông qua chiến lược phát triển Công ty cổ phần bao bì Đạm Phú Mỹ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
- Chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên báo cáo công tác xây dựng quy hoạch cán bộ nguồn, rà soát, bổ nhiệm, đào tạo đối với cán bộ nguồn thuộc diện quy hoạch.
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu mô hình Công ty phát triển phù hợp với định hướng chiến lược phát triển Công ty từ đó đưa ra bộ máy cũng như cơ chế khuyến khích kinh doanh hợp lý trình Hội đồng quản trị quyết định.
- Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, đầu tư máy móc thiết bị thí nghiệm, kiểm tra chất lượng; xây dựng và đạt chứng nhận các chứng chỉ quốc tế liên quan đến đánh giá chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế.
- Chấp thuận lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015.
- Cử đoàn công tác của Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài phục vụ nghiên cứu, triển khai các Dự án đầu tư mới.
- Hoàn thành báo cáo quản trị công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch 2016 với quan điểm, định hướng các chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh doanh năm 2016 như sau:
 - + Bao bì truyền thống: 55 triệu bộ bao bì;
 - + Bao Jumbo: 175 nghìn bộ bao;
 - + Doanh thu: 244,32 tỷ đồng;
 - + Lợi nhuận trước thuế: 12,91 tỷ đồng;
 - + Tỷ lệ chia cổ tức: 17,12%.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm qua, các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được HĐQT triển khai đầy đủ. Các ý kiến đề xuất của các cổ đông được các thành viên HĐQT lưu ý xem xét triển khai thực hiện. Công ty tổ chức triển khai thực hiện hoạt động SXKD theo đúng định hướng của HĐQT.
- Tổ chức cuộc họp: HĐQT Công ty đã họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, sau mỗi cuộc họp đều có biên bản và nghị quyết triển khai thực hiện.

- Lấy ý kiến bằng văn bản: Kịp thời lấy kiến các thành viên trong HĐQT để triển khai các thủ tục liên quan đến công tác quản lý, đầu tư, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban hành văn bản pháp chế: Kịp thời ban hành/sửa đổi tất cả quy chế, quy định để thích ứng với những thay đổi theo quy định mới của Nhà nước.
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành: Thường xuyên giám sát hoạt động của BDH thông qua các báo cáo hoạt động định kỳ tháng, quý, năm và các yêu cầu báo cáo phát sinh. Trên cơ sở đó chỉ đạo Ban điều hành triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT. Chỉ đạo, triển khai tốt việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trên cơ sở xem xét, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo quản trị, báo cáo tài chính, báo cáo giám sát của Ban kiểm soát và từ các cuộc họp cùng với Ban điều hành, qua đó, Hội đồng quản trị đánh giá:

- Ban Giám đốc đã triển khai hoàn thành các chỉ đạo của HĐQT, điều hành các mặt của Công ty một cách hiệu quả, đảm bảo lương, thưởng cán bộ, công nhân viên; đã thực hiện việc quản lý công ty theo đúng các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ công ty, quy chế và quy định có liên quan.
- Các thành viên trong Ban Giám đốc đều có trình độ, năng lực lãnh đạo; am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách.
- Giám đốc đã phân công phân nhiệm rõ ràng cho các phó giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao các nhiệm vụ triển khai tiếp theo.
- Ban Giám đốc đã báo cáo, giải trình Hội đồng quản trị đầy đủ các nội dung yêu cầu theo định kỳ và đột xuất.
- Ban giám đốc sát sao với thực tế diễn biến trên thị trường, điều hành linh hoạt hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch năm;
- Ban Giám đốc đã tích cực đề xuất các Dự án đầu tư để mở rộng sản xuất.
- Ban Giám đốc đã kịp thời ban hành các văn bản liên quan đến việc kiểm soát nội bộ để kiểm soát tốt hơn các hoạt động của Công ty; đã xây dựng hệ thống tích hợp ISO 9001:2008; ISO 14001: 2004; OSHAS 18001: 2007; qua đó góp phần bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả và tăng niềm tin cho khách hàng, đối tác.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

- Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển công ty đến năm 2020, định hướng đến 2030.
- Chỉ đạo thực hiện định hướng và nghiên cứu tiềm khả thi đầu tư sản xuất sản phẩm mới, đầu tư tăng năng lực sản xuất.
- Giám sát hoạt động điều hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Tiếp tục cử đoàn công tác đi nghiên cứu thị trường, sản phẩm mới ở trong và ngoài nước.
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016 của HĐQT Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến

Phần 3

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015
VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN, KẾ
HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016**

**PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA
GIÁM SÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI
CHÍNH TRONG NĂM 2015**

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015

- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ gồm 3 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm. Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Ban kiểm soát đã giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.
- Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp để xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát và thực hiện 01 cuộc kiểm tra giám sát thực địa tại đơn vị về hoạt động kinh doanh bao bì xuất khẩu.
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban hàng tháng của Ban Giám đốc và xây dựng đóng góp ý kiến về các vấn đề báo cáo khả thi và thủ tục triển khai của dự án đầu tư giai đoạn 03, hạn mức công nợ, nợ quá hạn, cơ cấu tài chính và hoạt động kinh doanh bao bì xuất khẩu của Công ty.
- Hàng Tháng/Quý, Ban kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty đồng thời đã có những kiến nghị kịp thời để nâng cao hiệu quả hoạt động tại đơn vị.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán Deloitte thực hiện kiểm toán BCTC năm 2015.
- Trong năm 2015 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

2. Thù lao và thu nhập của Ban kiểm soát năm 2015

Stt	Họ tên và chức danh	Thù lao	Thu nhập khác	Tổng cộng
		1	2	3 = 1+2
1	Chu Xuân Hải-TBKS	36.000.000	0	36.000.000
2	Nguyễn Thị Thu Oanh – TV.BKS	24.000.000	0	24.000.000
3	Phạm Văn Khánh – TV.BKS	24.000.000	0	24.000.000

Stt	Họ tên và chức danh	Thù lao	Thu nhập khác	Tổng cộng
	Tổng cộng	84.000.000	0	84.000.000

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2015 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Stt	Nội dung	Đvt	Nghị quyết ĐHDCĐ	Thực hiện	TH/KH
1	Sản lượng sản xuất				
1.1	Sản lượng sản xuất dòng bao phân bón nông sản và xi măng	Tr. Bao	55	55,59	101%
1.2	Sản lượng sản xuất bao jumbo	Ng. Bao	80	101,86	127%
2	Sản lượng tiêu thụ				
2.1	Sản lượng tiêu thụ dòng bao phân bón nông sản và xi măng	Tr. Bao	55	55,19	100%
2.2	Sản lượng tiêu thụ bao jumbo	Ng. Bao	80	97,72	122%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,67	12,66	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,05	11,11	101%
5	Lợi nhuận sau thuế/VĐL	%		26,5	
6	Lao động bình quân	Người	400	378	95%
7	Đầu tư và mua sắm	Tỷ đồng	36,92	6,26	17%

- Trong năm 2015, mặc dù có những thay đổi lớn trong cơ cấu dòng sản phẩm khi nhóm khách hàng Xi măng chuyển sang dùng loại bao bì dán đáy thay cho loại bao bì truyền thống làm cho sản lượng, doanh số của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể tuy với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Nhìn chung, Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định an toàn, thu nhập của người lao động ổn định.
- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Do cơ cấu lại sản phẩm đầu ra của dự án là sản xuất kinh doanh dòng bao jumbo thay cho việc sản xuất và kinh doanh dòng bao truyền thống nên dẫn đến chỉ tiêu đầu tư mua sắm không đạt so với kế hoạch được giao.

4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày

31/12/2015, BCTC phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

5. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban GD:

- Hội đồng quản trị Công ty với 05 thành viên đã được phiên họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 thông qua, các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Đến tháng 02/2016 Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm tạm thời 01 thành viên HĐQT là Bà Trần Thị Hồng Quyên thay cho Ông Phạm Văn Quý do bên phía cổ đông PVFCCo điều chỉnh số lượng người đại diện phần vốn.
- Trong năm 2015 Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp và các lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai công tác sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc đã tổ chức họp bàn bạc, thống nhất, phân công chỉ đạo các phòng ban triển khai và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám Đốc Công ty đã phản ánh trung thực về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của công ty.
- Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2015 Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả và đem lại lợi ích cho các cổ đông.

6. Đánh giá sự phối hợp của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành với Ban kiểm soát

- Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng/bộ phận của công ty, đã duy trì mối quan hệ làm việc và phối hợp trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật.

7. Kiến nghị:

- Kiểm soát các khoản công nợ phải thu, đôn đốc và thu hồi các khoản nợ quá hạn thanh toán.
- Tăng cường đào tạo đội ngũ CBNV trong lĩnh vực thương mại quốc tế.
- Tăng cường công tác kinh doanh và phát triển khách hàng để phục vụ cho sản phẩm đầu ra của dự án đầu tư giai đoạn 3.
- Xây dựng kế hoạch tổng thể về vốn để đảm bảo cho kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mua sắm.

PHẦN II: TỜ TRÌNH LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

1. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016

- Kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS công ty lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán có uy tín, có kinh nghiệm được đánh giá cao trong lĩnh vực kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2016.

2. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế/quy định nội bộ trong hoạt động quản lý điều, hành doanh nghiệp.
- Giám sát công tác quản lý, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông giao; Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015 và tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016.

Trân trọng báo cáo.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
Chu Xuân Hải

Phần 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.386.677.666	66.772.907.261
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.501.430.150	9.257.230.802
1. Tiền	111		4.501.430.150	730.564.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.526.666.667
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.694.044.645	39.124.005.467
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.093.164.085	38.097.261.462
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		742.781.088	790.712.933
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.858.099.472	236.031.072
III. Hàng tồn kho	140	8	35.712.587.633	17.488.643.696
1. Hàng tồn kho	141		35.712.587.633	17.488.643.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.478.615.238	903.027.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.478.615.238	680.263.831
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	222.763.465
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.116.343.537	42.635.770.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		40.221.868.095	40.665.847.300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	40.221.868.095	40.665.847.300
- Nguyên giá	222		91.662.209.545	85.425.718.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.440.341.450)	(44.759.871.520)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	389.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(389.242.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		276.645.520	331.683.577
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		276.645.520	331.683.577
IV. Tài sản dài hạn khác	260		614.829.922	1.635.239.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		614.829.922	1.635.239.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		124.503.021.203	109.408.677.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.621.461.339	49.082.480.203
I. Nợ ngắn hạn	310		59.855.835.578	47.776.582.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	13.766.714.281	10.317.666.820
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		591.273.454	961.449.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	716.339.860	572.753.412
4. Phải trả người lao động	314		5.110.435.300	4.787.767.024
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.125.134.002	1.251.582.175
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.966.700	21.747.446
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.432.831.118	695.052.722
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	33.703.327.435	28.544.412.889
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.384.813.428	624.151.198
II. Nợ dài hạn	330		1.765.625.761	1.305.897.417
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12	1.674.007.324	1.125.866.779
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		91.618.437	180.030.638
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.881.559.864	60.326.197.467
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	62.881.559.864	60.326.197.467
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.702.789.696	4.702.789.696
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.294.813.521	3.259.319.938
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.883.956.647	10.364.087.833
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		170.847.458	186.619.915
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.713.109.189	10.177.467.918
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		124.503.021.203	109.408.677.670

Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	294.832.481.955	228.494.154.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	39.373.576
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	294.832.481.955	228.454.780.484
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	253.215.984.891	190.702.469.172
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.616.497.064	37.752.311.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		670.302.817	687.222.454
7. Chi phí tài chính	22		2.925.126.827	2.331.454.934
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.647.947.276	2.289.370.801
8. Chi phí bán hàng	25	17	8.094.253.953	6.216.191.279
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	18.881.718.279	18.183.389.748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		12.385.700.822	11.708.497.805
11. Thu nhập khác	31		464.578.971	70.194.635
12. Chi phí khác	32		187.173.506	37.610.394
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		277.405.465	32.584.241
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.663.106.287	11.741.082.046
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	1.549.997.098	1.563.614.128
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		11.113.109.189	10.177.467.918
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	2.249	2.181

Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>12.663.106.287</i>	<i>11.741.082.046</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.680.469.930	9.015.844.628
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(40.295.589)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(175.644.236)	(596.881.585)
Chi phí lãi vay	06	2.647.947.276	2.289.370.801
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>21.815.879.257</i>	<i>22.409.120.301</i>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(2.347.275.713)	1.388.460.520
(Tăng) hàng tồn kho	10	(18.223.943.937)	(1.854.697.555)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.130.574.479	(14.629.433.769)
Giảm chi phí trả trước	12	222.058.203	2.270.876.754
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.690.431.259)	(2.375.374.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.566.823.779)	(2.302.342.529)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.235.927.276	4.350.007.873
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.893.011.838)	(7.206.827.343)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>2.682.952.689</i>	<i>2.049.789.706</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.181.452.668)	(4.624.181.986)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	175.644.236	596.881.585
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(6.005.808.432)</i>	<i>(4.027.300.401)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	140.978.994.942	108.708.381.438
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(135.271.939.851)	(102.045.291.899)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.140.000.000)	(6.300.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(1.432.944.909)</i>	<i>363.089.539</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.755.800.652)	(1.614.421.156)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.257.230.802	10.871.651.958
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.501.430.150	9.257.230.802
Phạm Thị Thúy Hằng	Cao Vĩnh Hậu	Trần Anh Tú	
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc	

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là “Công ty”), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 9 năm 2015 với mã chứng khoán là PMP.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 445 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 395).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán phân bón các loại; Mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ; Vận tải bằng ô tô; Mua bán vật tư thiết bị ngành công nghiệp; Mua bán giấy vờ, bì các tông, văn phòng phẩm; Cho thuê kho bãi; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo

cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, hoặc chi phí mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u> Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản này đã được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt của pháp luật.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là hệ thống mạng máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Hệ thống mạng máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và các chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành

phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2004) và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những năm tiếp theo. Năm 2015 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	44.141.288	178.174.161
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.457.288.862	552.389.974
Các khoản tương đương tiền	-	8.526.666.667
	<u>4.501.430.150</u>	<u>9.257.230.802</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Viky	13.556.245.902	2.000.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.061.506.000	1.835.945.100
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	4.456.522.800	3.914.556.000
Chi nhánh phía nam Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	1.049.400.000	7.539.400.000
Công ty Cổ phần Xi măng FICO Tây Ninh	-	7.868.310.090
Goodplast United PTE Ltd	-	4.059.658.516
Các khách hàng khác	12.969.489.383	10.879.391.756
	<u>38.093.164.085</u>	<u>38.097.261.462</u>
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	<u>10.518.028.800</u>	<u>5.750.501.100</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền mua cổ phần	1.054.186.900	-
Tạm ứng cho người lao động	1.063.942.551	96.524.800
Khác	739.970.021	139.506.272
	2.858.099.472	236.031.072
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
	3.000.000	3.000.000

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	18.100.200	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.644.416.883	-	6.828.796.716	-
Công cụ, dụng cụ	171.214.227	-	135.671.313	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.449.446.201	-	7.604.701.157	-
Thành phẩm	2.414.511.253	-	2.904.346.061	-
Hàng hoá	14.898.869	-	15.128.449	-
Cộng	35.712.587.633	-	17.488.643.696	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	28.317.229.137	55.578.282.676	1.400.728.931	129.478.076	85.425.718.820
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.340.779.094	-	-	-	2.340.779.094
Mua sắm mới	-	3.895.711.631	-	-	3.895.711.631
Phân loại lại	-	(33.700.000)	33.700.000	-	-
Tại ngày 31/12/2015	30.658.008.231	59.440.294.307	1.434.428.931	129.478.076	91.662.209.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	8.752.074.563	34.970.144.746	908.174.135	129.478.076	44.759.871.520
Trích khấu hao trong năm	2.122.950.505	4.368.502.724	189.016.701	-	6.680.469.930
Phân loại lại	-	(6.518.410)	6.518.410	-	-
Tại ngày 31/12/2015	10.875.025.068	39.332.129.060	1.103.709.246	129.478.076	51.440.341.450
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	19.782.983.163	20.108.165.247	330.719.685	-	40.221.868.095
Tại ngày 31/12/2014	19.565.154.574	20.608.137.930	492.554.796	-	40.665.847.300

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 31.376.867.591 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.943.781.553 đồng).

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	1.758.350.000	1.758.350.000	2.067.500.000	2.067.500.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức	1.508.923.900	1.508.923.900	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Ý	824.003.400	824.003.400	1.172.113.250	1.172.113.250
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thái Anh	-	-	2.837.983.440	2.837.983.440
Các nhà cung cấp khác	9.675.436.981	9.675.436.981	4.240.070.130	4.240.070.130
	13.766.714.281	13.766.714.281	10.317.666.820	10.317.666.820
Phải trả người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	343.925.000	343.925.000	351.533.727	351.533.727

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp		Trong năm		Phải nộp 31/12/2015
	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp		
	VND	VND	VND	VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.718.710.477	4.589.765.825	128.944.652	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.082.063.578	9.082.063.578	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.064.292.151	1.064.292.151	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	512.251.932	1.549.997.098	1.566.823.779	495.425.251	
Thuế thu nhập cá nhân	35.679.121	483.631.060	460.387.012	58.923.169	
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.594.060	5.594.060	-	
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-	
Thuế nhà thầu nước ngoài	24.822.359	33.046.788	24.822.359	33.046.788	
Các loại thuế khác	-	23.025.329	23.025.329	-	
Cộng	572.753.412	16.964.360.541	16.820.774.093	716.339.860	

12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
			VND	VND		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	23.116.322.053	23.116.322.053	124.757.420.617	115.038.062.411	32.835.680.259	32.835.680.259
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	5.308.574.700	5.308.574.700	4.461.660.225	9.770.234.925	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	11.759.914.100	9.218.259.600	2.541.654.500	2.541.654.500
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.245.382.915	1.245.382.915	-	1.245.382.915	-	-
Cộng	29.670.279.668	29.670.279.668	140.978.994.942	135.271.939.851	35.377.334.759	35.377.334.759
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	28.544.412.889				33.703.327.435	
Số phải trả sau 12 tháng	1.125.866.779				1.674.007.324	

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2012/DPMP-HĐHM với hạn mức cho vay là 45 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tiền lãi phải trả từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 29.593.488.261 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 08 tháng 4 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc, thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 996.315.498 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 12 tháng 12 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 119.840 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền nhập khẩu máy in theo phương thức thư tín dụng cho Pea Shinn Engineering Co., Ltd theo Hợp đồng số 80/DPMP-Peashinn/2014 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất huy động tiết kiệm tiền gửi 12 tháng, trả lãi sau theo thông báo của ngân hàng +2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3

tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản bên vay đã thế chấp tại Ngân hàng. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.245.876.500 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 58.15.553.895699.TD ngày 25 tháng 6 năm 2015 với Ngân hàng Thương mại TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu có hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng, thời hạn cho vay tối đa đến ngày 31 tháng 5 năm 2016, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC/bảo lãnh và chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng trong giai đoạn 2015-2016. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Quân Đội; kỳ tính lãi sẽ được quy định trên từng văn bản nhận nợ. Khoản vay này không có thế chấp. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.541.654.500 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.568.184.674	1.780.041.966
Trong năm thứ hai	1.207.960.799	793.761.613
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	466.046.525	332.105.166
Sau năm năm	-	-
	3.242.191.998	2.905.908.745
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.568.184.674	1.780.041.966
Số phải trả sau 12 tháng	1.674.007.324	1.125.866.779

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	42.000.000.000	1.917.981.648	4.053.600.577	1.990.527.409	5.877.982.715	55.840.092.349
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.177.467.918	10.177.467.918
Kết chuyển nguồn đầu tư TSCĐ	-	2.784.808.048	(2.784.808.048)	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	(5.750.262.400)	(5.750.262.400)
Tăng khác	-	-	-	-	58.899.600	58.899.600
Số dư tại ngày 31/12/2014	42.000.000.000	4.702.789.696	1.268.792.529	1.990.527.409	10.364.087.833	60.326.197.467
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	1.990.527.409	(1.990.527.409)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	42.000.000.000	4.702.789.696	3.259.319.938	-	10.364.087.833	60.326.197.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.113.109.189	11.113.109.189
Trích lập các quỹ	-	-	2.035.493.583	-	(2.035.493.583)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.417.746.792)	(1.417.746.792)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(7.140.000.000)	(7.140.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	42.000.000.000	4.702.789.696	5.294.813.521	-	10.883.956.647	62.881.559.864

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015, cổ tức năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 7.140.000.000 đồng. Trong năm 2015, Công ty đã chia toàn bộ số cổ tức được phê duyệt cho các cổ đông. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến năm 2015 là 18% vốn điều lệ.

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014
	VND	%	Giá trị VND	Giá trị VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21,410,000,000	50.98%	18,203,000,000	21,410,000,000
Công ty TNHH Hương Phong	20,580,000,000	49.00%	16,800,000,000	20,580,000,000
Ông Võ Ngọc Chuyên	10,000,000	0.02%	10,000,000	10,000,000
Các cổ đông khác	-	0.00%	6,987,000,000	-
	42,000,000,000	100%	42,000,000,000	42,000,000,000

13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ thông tin về doanh thu, chi phí được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao

bì. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 16.

Trong năm, các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở Việt Nam, doanh thu từ hoạt động xuất khẩu không đáng kể.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	215.276.969.207	208.213.748.198
Doanh thu bán hàng hóa	77.831.458.532	19.361.061.772
Doanh thu khác	1.724.054.216	919.344.090
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.832.481.955	228.494.154.060
Giảm giá hàng bán	-	(39.373.576)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.832.481.955	228.454.780.484
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	85.526.545.290	75.017.089.218

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	176.294.315.450	170.702.122.532
Giá vốn bán hàng hóa	75.284.489.843	19.081.002.549
Giá vốn khác	1.637.179.598	919.344.091
	253.215.984.891	190.702.469.172

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.075.996.139	144.434.380.691
Chi phí nhân công	11.680.684.382	32.308.278.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.680.469.930	9.015.844.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.104.094.003	23.528.486.078
Chi phí khác bằng tiền	1.591.445.678	5.063.912.813
	214.132.690.132	214.350.902.737

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.532.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.775.726.341	5.980.885.572
Chi phí bằng tiền khác	318.527.612	233.772.708
	8.094.253.953	6.216.191.279
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.974.632.162	8.106.199.012
Chi phí đồ dùng văn phòng	677.280.083	925.926.282
Chi phí khấu hao TSCĐ	675.622.508	791.891.656
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	7.400.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.268.174.551	6.851.808.740
Chi phí bằng tiền khác	1.282.008.975	1.500.164.058
	18.881.718.279	18.183.389.748

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.663.106.287	11.741.082.046
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.064.413.057	1.430.363.442
Thu nhập chịu thuế	13.727.519.344	13.171.445.488
Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi	13.364.155.982	12.128.217.082
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	363.363.362	1.043.228.406
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.020.054.256	2.897.718.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	1.470.057.158	1.334.103.879
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.549.997.098	1.563.614.128

(*) Công ty được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những

năm tiếp theo. Năm 2015 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.113.109.189	10.177.467.918
- Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(1.666.966.378)	(1.017.746.792)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.446.142.811	9.159.721.126
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.249	2.181

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.602.375.000	1.851.928.965

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.859.550.000	1.763.850.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.438.200.000	8.819.250.000
Sau năm năm	50.207.850.000	47.623.950.000
	59.505.600.000	58.207.050.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải trả cho việc thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 4 năm 2013, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m² tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.377.334.759	29.670.279.668
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.501.430.150	9.257.230.802
Nợ thuần	30.875.904.609	20.413.048.866
Vốn chủ sở hữu	62.881.559.864	60.326.197.467
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,49	0,34

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Phân loại lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.501.430.150	9.257.230.802
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.836.134.106	38.239.767.734
Tổng cộng	43.337.564.256	47.496.998.536
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.377.334.759	29.670.279.668
Phải trả người bán và phải trả khác	15.055.735.177	10.728.525.143
Chi phí phải trả	1.125.134.002	1.251.582.175
Tổng cộng	51.558.203.938	41.650.386.986

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 707.546.695 đồng (năm 2014: 593.405.593 đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	200	(707.546.695)
VND	(200)	707.546.695
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(593.405.593)
VND	(200)	593.405.593

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	4.501.430.150	-	4.501.430.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.833.134.106	3.000.000	38.836.134.106
Tổng cộng	43.334.564.256	3.000.000	43.337.564.256
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	33.703.327.435	1.674.007.324	35.377.334.759
Phải trả người bán và phải trả khác	15.055.735.177	-	15.055.735.177
Chi phí phải trả	1.125.134.002	-	1.125.134.002
Tổng cộng	49.884.196.614	1.674.007.324	51.558.203.938
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.549.632.358)	(1.671.007.324)	(8.220.639.682)

31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.257.230.802	-	9.257.230.802
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.236.767.734	3.000.000	38.239.767.734
Tổng cộng	47.493.998.536	3.000.000	47.496.998.536
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	28.544.412.889	1.125.866.779	29.670.279.668
Phải trả người bán và phải trả khác	10.728.525.143	-	10.728.525.143
Chi phí phải trả	1.251.582.175	-	1.251.582.175
Tổng cộng	40.524.520.207	1.125.866.779	41.650.386.986
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.969.478.329	(1.122.866.779)	5.846.611.550

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Đơn vị phụ thuộc của Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	848.868.744	818.715.700
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	51.214.995.100	54.771.810.388
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	32.564.208.700	18.194.303.130
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	87.700.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	313.560.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	84.600.000	-
Công ty TNHH Hương Phong	813.872.746	831.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	17.841.150	56.937.860
Công ty TNHH Hương Phong	2.208.535.000	731.550.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Phải thu khách hàng		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	4.456.522.800	3.914.556.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.061.506.000	1.835.945.100
	10.518.028.800	5.750.501.100
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	19.718.727
Công ty TNHH Hương Phong	343.925.000	331.815.000
	343.925.000	351.533.727

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1,741,539,736	1,393,203,538

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất bao Jumbo giai đoạn 3 với tổng mức đầu tư là 26.540.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của Dự án là 240

ngày kể từ khi Dự án được phê duyệt. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 224.221.724 đồng.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	Giá trị (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Giá trị (VND)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
I. Tài sản			I. Tài sản		
1. Các khoản phải thu khác	135	139.506.272	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	236.031.072 Trình bày lại, đổi mã số và đổi tên
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	96.524.800	2. Tài sản ngắn hạn khác	155	- Trình bày lại, đổi mã số
3. Phải thu dài hạn khác	218	-	3. Phải thu dài hạn khác	216	3.000.000 Trình bày lại, đổi mã số
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	331.683.577	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	331.683.577 Đổi mã số
5. Tài sản dài hạn khác	268	3.000.000	5. Tài sản dài hạn khác	268	- Trình bày lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn		
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	28.544.412.889	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28.544.412.889 Đổi tên và đổi mã số
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	21.747.446	2. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21.747.446 Đổi tên và đổi mã số
3. Vay và nợ dài hạn	334	1.125.866.779	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.125.866.779 Đổi tên và đổi mã số
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.268.792.529	4. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.259.319.938 Trình bày lại, đổi mã số
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.990.527.409	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	- Trình bày lại, đổi mã số
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2423	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.181 Thay đổi phương pháp tính

Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú
Giám đốc

Phần 5
TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Căn cứ quy định tại Điều 14 của Điều lệ Công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2015.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm là 18% và trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển trích 15% LNST; quỹ khen thưởng trích 15% LNST.

Với việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, Hội đồng quản trị kính trình phương án phân phối lợi nhuận thực hiện như sau:

TT	Diễn giải	ĐVT	LNST sau kiểm toán	TỶ LỆ TRÍCH
1	Lợi nhuận năm 2014 chuyển sang	Đồng	170,847,458	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2015	Đồng	11,113,109,189	
3	Trích các quỹ	Đồng	3,333,932,757	30%LNST
3.1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1,666,966,378	15%LNST
3.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	1,666,966,378	15%LNST
3.2.1	Quỹ khen thưởng	Đồng	1,166,876,465	70%KTPL
3.2.2	Quỹ phúc lợi	Đồng	500,089,914	30%KTPL
4	Lợi nhuận sau thuế 2015 còn lại	Đồng	7,779,176,432	
5	Lợi nhuận năm 2014 và 2015 còn lại	Đồng	7,950,023,890	
6	Chia cổ tức	Đồng	7,560,000,000	70%LNST
6.1	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	Đồng/CP	1,800	
6.2	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ	%	18.0%	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2016	Đồng	390,023,890	

Thời gian chia cổ tức bằng tiền mặt trong quý 2/2016.

2. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016

- Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến 17% mệnh giá cổ phiếu
- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 15%
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 15%. Trong đó trích *Quỹ khen thưởng: 70% KTPL; Quỹ phúc lợi: 30% KTPL*

Trên đây là Phương án phân phối lợi nhuận, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến

Phần 6
TỜ TRÌNH
THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ thường niên ngày 14/04/2016.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ báo cáo thù lao chi trả năm 2015 và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch thù lao chi trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 như sau:

1. Thù lao chi trả Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015

Tt	Diễn giải	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Thù lao HĐQT	Đồng	174.000.000	CT HĐQT 4tr/tháng; TV HĐQT không phải là GD 3,5tr/tháng/ng. TBKS: 3 tr/tháng TV BKS 2tr/tháng/ng
2	Thù lao BKS	Đồng	84.000.000	
3	Thưởng	Đồng	0	
	Cộng	Đồng	258.000.000	

2. Kế hoạch thù lao chi trả Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016

Thù lao cố định:

STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Thù lao HĐQT	Đồng	216.000.000	CT HĐQT 4tr/tháng; TV HĐQT 3,5tr/tháng/ng. TBKS: 3 tr/tháng TV BKS 2tr/tháng/ng
2	Thù lao BKS	Đồng	84.000.000	
3	Thưởng	Đồng	0	
	Cộng	Đồng	300.000.000	

Mức thù lao trên không bao gồm:

- Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ tại nguồn
- Tiền lương trong trường hợp thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát là người lao động trong Công ty.
- Các khoản chi phí công tác theo Quy chế công tác phí.

Thưởng: Ngoài mức thù lao cố định nêu trên, đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi thưởng cho Ban lãnh đạo Công ty bằng 30% phần lợi nhuận vượt kế hoạch.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến

Phần 7
TỜ TRÌNH
PHÊ CHUẨN QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v: Thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT và bổ nhiệm thành viên HĐQT

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 58/2014QH13 ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ thông qua nội dung sửa đổi ngày 14/04/2015.
- Nghị quyết số 04 /NQ-HĐQT ngày 25/02/2016 của Hội đồng quản trị.
- Quyết định số 15/QĐ-BBĐPM về việc thôi giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và Quyết định số 16/QĐ-BBĐPM về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngày 25/02/2016.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua quyết định thôi giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định Thôi giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Văn Quý. Lý do, thực hiện theo sự phân công của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

2. Thông qua bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thay thế.

Căn cứ khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty: *“Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm”.*

Theo đó, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm bà Trần Thị Hồng Quyên – Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư kiêm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin chi tiết theo Lý lịch đính kèm.

Tại Đại hội này, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thôi giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Văn Quý và phê chuẩn quyết định bổ nhiệm bà Trần Thị Hồng Quyên giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm, đồng thời ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thay thế theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

1/ Họ và tên /Full name: **Trần Thị Hồng Quyên**

2/ Giới tính/Sex: **Nữ**

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: **19/9/1981**

4/ Nơi sinh/Place of birth: **Kim Thi – Hưng Yên**

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): **273107975:**

Ngày cấp/Date of issue: **04/10/1998** Nơi cấp/Place of issue: **Bà Rịa – Vũng Tàu**

6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt nam**

7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: **C11 Hồ Quy Ly, P.Thắng Tam TP Vũng Tàu.**

9/ Số điện thoại/Telephone number: **064 3921999**

10/ Địa chỉ email/Email: **tthquyen@dpmp.vn**

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an institution subject to information disclosure Rules: **Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư**

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies:

13/ Số CP nắm giữ: 5.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ, trong đó:/Number of shares in possession..... , accounting for% of registered capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:/Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution):

+ Cá nhân sở hữu/ Possess for own account: 5.000 cổ phần

14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other commitment of holding shares (if any): cam kết nắm giữ 100% trong vòng 6 tháng và 50% trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK

15/ Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of declarant:

STT No.	Tên cá nhân/tổ chức/ Name of individual/ institution al related person	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ/ Relationship
1	Trần Đăng Quang	273394985	0	Bố

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006
Related persons are stipulated in Article 34, paragraph 34 of the Law on Securities dated 29th June 2006

2	Phạm Thị Diễm	273394984	0	Mẹ
3	Nguyễn Văn Hoan	273026292	0	Chồng
4	Nguyễn Trọng Đức		0	Con
5	Nguyễn Trọng Khang		0	Con
6	Trần Quyết Tiến	025834703	0	Em
7	Trần Thị Vân		0	Em

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

- Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thương (nếu có); cổ tức theo số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ.

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any): Không*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI

(đã ký)

Trần Thị Hồng Quyên